

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS-ST
Ngày: 24-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Quốc Thái
2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2020/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HS ngày 12/8/2020 đối với bị cáo:

Đặng Văn Đ, sinh năm 2000 tại Kiên Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Vinh Đông, xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: Tổ 1, ấp 1, xã Minh Hưng, huyện Chơn thành, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn T và bà Huỳnh Thị A; Bị cáo có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2006; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2020 đến ngày 11/4/2020 thì tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1984. Trú tại 169/9 Lê Văn Quới, phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. “Vắng mặt”

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Huỳnh Thị A, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ 1, ấp 1, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

2. Anh Đạo Văn Th, sinh năm 1989. Trú tại tổ 3, ấp 3A, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”

3. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 2000. Trú tại ấp Thắng Lợi, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 03/4/2020 khi đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68G1-763.75 đến cổng khu công nghiệp Minh Hưng III, thuộc xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Đặng Văn Đ nhìn thấy chị Võ Thị Mỹ L đang điều khiển xe mô tô biển số 93H4- 0916 lưu thông một mình trên Quốc lộ 13, hướng từ huyện Chơn Thành đi huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, trên gác ba ga giữa của xe mô tô do chị L điều khiển để 01 túi xách màu đen nên Đ nảy sinh ý định cướp giật túi xách của chị L. Đ điều khiển xe mô tô bám theo sau xe mô tô của chị L, khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 13 thuộc tổ 3, khu phố 3, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Đ quan sát thấy trên đường có ít xe lưu thông, phía bên trong không có nhà dân, nên điều khiển xe mô tô vượt lên trước xe mô tô của chị L khoảng 100m, rồi điều khiển xe chạy chậm lại và đi sát mép lề đường phải theo chiều đang lưu thông. Khi chị L điều khiển xe chạy lên đi bên trái song song với xe mô tô của Đ, Đ ép sát xe rồi dùng tay trái giật túi xách của chị L. Sau đó điều khiển xe chạy về phòng trọ số 04 thuộc nhà trọ “Thành Tơ” của ông Phạm Văn Thành tại tổ 1, ấp 1, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành nơi Đ đang ở trọ kiểm tra túi xách thì phát hiện bên trong có số tiền 2.700.000đ; 01 điện thoại di động Iphone 6S - 16G; 01 cục sạc pin điện thoại Iphone; 02 nhẫn kim loại màu vàng; 01 bộ quần áo; 01 giấy đăng kí xe mô tô, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Võ Thị Mỹ L; 04 thẻ ATM.

Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Đ mang 02 nhẫn kim loại màu vàng đến tiệm vàng “Mỹ Nhung” tại tổ 1, ấp 2, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành để bán. Tuy nhiên khi kiểm tra phát hiện 02 nhẫn kim loại màu vàng trên là vàng giả nên Đ vứt bỏ 02 chiếc nhẫn trước tiệm vàng rồi đi về phòng trọ.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ mang số giấy tờ tùy thân, 04 thẻ ATM của chị L đi đốt tại lô cao su 3/2009 thuộc Nông trường cao su Minh Hưng thuộc tổ 1, ấp 1, xã Minh Hưng. Số tiền 2.700.000đ Đ lấy trả cho Trần Thị Thu H (bạn gái của Đ) 1.000.000đ; cho bà Huỳnh Thị A (mẹ của Đ) 200.000đ; cho Phạm Văn Kiệt (bạn Đ) mượn 500.000đ.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/4/2020, Đ mang điện thoại Iphone 6S-16G và cục sạc điện thoại đến cửa hàng của anh Đạo Văn Th thuộc xã Minh Hưng bán được với số tiền là 1.000.000đ. Sau đó, Đ đến tiệm sửa xe mô tô của anh Trương Văn Sơn tại xã Minh Hưng thay 01 bộ xe mô tô và dán Decal xe mô tô hết số tiền: 1.600.000đ, số tiền còn lại Đ tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá số 26/KL - HĐĐGTSTTTHS ngày 25/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hớn Quản kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Apple; loại: IPHONE 6S-16G, màu vàng, tại thời điểm bị cướp giật, tài sản có giá trị là: 1.200.000đ.

- 01 túi xách (dạng ba lô) màu đen, nhãn hiệu Kim Long, tại thời điểm bị cướp giật tài sản có giá trị là: 100.000đ.

- 01 cục sạc điện thoại Iphone, tại thời điểm bị cướp giật tài sản có giá trị là: 30.000đ

- 01 áo vải màu đen, cổ tròn, dài tay, không có cúc trên cổ áo có in chữ nước ngoài mua vào đầu năm 2019 và 01 quần dài vải màu đen, ống rộng, có dây kéo bên phải, không có nhãn hiệu mua vào đầu năm 2019 tại thời điểm bị cướp giật tài sản không có cơ sở để định giá.

Như vậy, trị giá tài sản mà Đặng Văn Đ chiếm đoạt là 1.330.000đ và tiền mặt là 2.700.000đ, tổng giá trị tài sản là: 4.030.000đ.

Quá trình điều tra, Đặng Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 34/CT- VKS ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đặng Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ mức hình phạt từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/4/2020, Bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 68G1-763.75 chạy áp sát xe mô tô biển số 93H4- 0916 của chị L rồi giật túi xách của chị L đang để trên gác ba ga xe rồi bỏ chạy.

[3] Xét thấy, lời khai nhận tội của Bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản phù hợp với vật chứng của vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hành vi chiếm đoạt chiếc túi xách bên trong có số tiền 2.700.000đ; 01 điện thoại di động Iphone 6S - 16G; 01 cục sạc pin điện thoại Iphone; 02 nhẫn kim loại màu vàng; 01 bộ quần áo; 01 giấy đăng kí xe mô tô, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân, 04 thẻ ATM, tổng giá trị 4.030.000 đ của bị hại Võ Thị Mỹ L rồi nhanh chóng tẩu thoát do bị cáo Đặng Văn Đ thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Do đó, Cáo trạng số 35/CT- VKS ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Xét hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, dùng xe mô tô áp sát xe mô tô của người bị hại để cướp giật tài sản khi người bị hại đang điều khiển xe mô tô tham gia giao thông là rất nguy hiểm cho người bị hại cũng như người và phương tiện khác đang lưu thông trên đường bộ, nên Bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Do đó cần thiết xử phạt bị cáo mức án nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tác động với gia đình để bồi thường thiệt hại cho người bị hại; Bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo có nhân thân tốt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Do Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[5] Sau khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị L, bị cáo Đ đã cho mẹ là chị Huỳnh Thị A số tiền 200.000đ, trả nợ cho chị Trần Thị Thu H số tiền 1.000.000đ, cho anh Phạm Văn Kiệt vay số tiền 500.000đ, bán cho anh Đạo Văn Th điện thoại Iphone 6S và cục sạc pin giá 1.000.000đ. Nhưng chị A, chị H, anh Kiệt và anh Th không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, mẹ của bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.700.000đ, chiếc điện thoại đã được Cơ quan điều tra trả lại, bị hại chị Võ Thị Mỹ L không yêu cầu bồi thường gì thêm; mẹ của bị cáo cũng đã hoàn trả lại cho anh Đạo Văn Th số tiền 1.000.000đ mà anh Th mua điện thoại của bị cáo, anh Th cũng không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô Sonic biển số 68G1 – 763.75 là tài sản hợp pháp của chị Huỳnh Thị A; 01 bộ xe mô tô, nhãn hiệu “HONDA – HM K56 IN1CAT” là tài sản hợp pháp của bà Huỳnh Thị A, việc Đ sử dụng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật tài sản, nhưng chị A hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại

cho chị Huỳnh Thị A. Đối với điện thoại di động OPPO- F7 là tài sản của bị cáo Đặng Văn Đ không dùng vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đặng Văn Đ xin trả lại cho mẹ là chị Huỳnh Thị A nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Huỳnh Thị A là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 điện thoại di động IPHONE 6S - 16G, màu vàng; 01 áo vải màu đen, cổ tròn, dài tay, không có nút cài, trên cổ áo có in chữ nước ngoài; 01 quần dài vải màu đen, ống rộng, có dây kéo bên phải và 01 túi xách màu đen, nhãn hiệu “Kim Long” là tài sản hợp pháp của chị L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hớn Quản đã trả lại cho bị hại là phù hợp nên không xem xét.

- 01 áo sơ mi tay dài nhãn hiệu “Shen Gong Zi”; 01 quần Jean, nhãn hiệu “THOM BROM WE – NEWYORK”; 01 đôi dép có ghi chữ “BICA”; 01 mũ bảo hiểm có ghi chữ: “NÓN THỂ THAO – CKT” và 01 mũ lưỡi trai nhãn hiệu “PUM” là tài sản của bị cáo Đặng Văn Đ, đây không phải là vật chứng vụ án. Tuy nhiên không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- 01 bộ xe mô tô, nhãn hiệu “LeoVince” bị cáo Đ dùng số tiền chiếm đoạt được và tiền bán điện thoại và cục sạc pin chiếm đoạt được của chị L để mua. Tuy nhiên, mẹ của bị cáo Đặng Văn Đ đã bồi thường tiền cho bị hại chị Võ Thị Mỹ L; Điện thoại của chị L đã thu hồi được và trả lại cho chị L, đồng thời chị Huỳnh Thị A cũng đã trả lại số tiền 1.000.000đ mà anh Đạo Văn Th mua lại điện thoại và cục sạc pin của bị cáo Đ. Do đó, cần trả lại bộ xe mô tô nhãn hiệu “LeoVince” cho bị cáo Đặng Văn Đ là phù hợp.

- Đối với số tiền 1.700.000đ trong đó có: 200.000đ chị Huỳnh Thị A (mẹ bị cáo) nộp tại cơ quan điều tra; 1.000.000đ chị Trần Thị Thu H nộp tại cơ quan điều tra; 500.000đ anh Phạm Văn Kiệt nộp tại cơ quan điều tra: Do số tiền 2.700.000đ bồi thường cho bị hại chị Võ Thị Mỹ L do mẹ bị cáo đã bồi thường nên mẹ bị cáo được nhận lại số tiền 1.700.000đ này.

- Riêng 02 chiếc nhẫn màu vàng, 01 cục sạc pin không thu hồi được và chị L không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường nên không xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật;

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ được chấp nhận. Đối với hình phạt, mức án mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản đề nghị là có phần nghiêm khắc bởi lẽ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên chỉ cần xử phạt bị cáo mức khởi khung hình phạt là thỏa đáng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày giữ 05/4/2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi tay dài nhãn hiệu Shen Gong Zi; 01 quần Jean, nhãn hiệu THOM BROM WE – NEWYORK; 01 đôi dép có ghi chữ BICA; 01 mũ bảo hiểm có ghi chữ: “NÓN THỂ THAO – CKT” và 01 mũ lưỡi trai nhãn hiệu PUM là tài sản không còn giá trị sử dụng, bị cáo không từ chối nhận lại.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Văn Đ 01 ô tô xe mô tô, nhãn hiệu “LeoVince”.

- Trả lại cho chị Huỳnh Thị A số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

(Các vật chứng được liệt kê theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005704 ngày 07/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản)

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Bị cáo, bị hại; Đ/S
- Bộ phận HSNV CA Hớn Quản;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương